

HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
KHOA VẬN TẢI

KINH TẾ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG



TÊN ĐỀ TÀI: CHI PHÍ TRONG KINH TẾ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Giáo viên hướng dẫn:

Thành viên nhóm 5:

TP. Hồ Chí Minh, Năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu	1
3. Phương pháp thực hiện	1
CHƯƠNG 2: CHI PHÍ TRONG KINH TẾ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG	2
1. Khái niệm	2
2. Các doanh nghiệp liên quan	2
3. Phân loại chi phí theo khoản mục	2
4. Phân loại theo chi phí khác	13
CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN	15
1. Ưu điểm	15
2. Nhược điểm	15

CHI PHÍ TRONG KINH TẾ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Chi phí là yếu tố quan trọng để xác định kết quả kinh doanh vận tải hàng không, đồng thời giúp các nhà quản trị đánh giá hiệu quả trong từng khâu, giai đoạn của quá trình kinh doanh vận tải hàng không. Trên cơ sở đó hãng hàng không sẽ đề ra các biện pháp để quản trị và kiểm soát chi phí.

2. Mục tiêu

Để tìm hiểu rõ hơn về các chi phí vận tải hàng không, các khoản tiền mà các hãng hàng không phải chi ra để sản xuất và bán những sản phẩm hàng không.

3. Phương pháp thực hiện

- Tham khảo giáo trình Kinh tế vận tải hàng không.
- Tham khảo các thông tin trên báo chí.

<https://www.vietnamairlines.com/~media/FilesDownload/AboutUs/Investor-Relations/Bao-Cao-Thuong-Nien/BCTN%202016%20final.pdf>

<https://www.vietnamairlines.com/~media/FilesDownload/AboutUs/Investor-Relations/Bao-Cao-Thuong-Nien/bao-cau-thuong-nien-2017-up-web.pdf>

CHƯƠNG 2: CHI PHÍ TRONG KINH TẾ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Khái niệm

Chi phí vận tải hàng không là các khoản tiền mà hãng hàng không phải chi ra để sản xuất và bán những sản phẩm vận tải hàng không.

2. Các doanh nghiệp liên quan

VIETNAM AIRLINES, VIETJET AIR, JETTAR PACIFIC.

3. Phân loại chi phí theo khoản mục

3.1 Chi phí nguyên nhiên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên nhiên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí nguyên liệu cho tàu bay và dầu cho động cơ tàu bay. Nó được tính dựa vào định mức tiêu hao theo giờ bay, đơn giá nhiên liệu và số giờ bay thực hiện. Nó thường chiếm 30% tổng chi phí vận tải hàng không.

Theo báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Hàng không Vietjet (Vietjet Air), trung bình mỗi ngày hãng này chi khoảng 15 tỷ đồng cho chi phí nhiên liệu (xăng chuyên dụng Jet A1 cho động cơ máy bay). Tổng chi phí nhiên liệu trong năm 2016 ở mức hơn 5.369 tỷ đồng, tăng hơn 1.200 tỷ so với năm 2015.

Tính trong 6 tháng đầu năm 2016, theo báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí mua xăng Jet A1 cho Vietnam Airlines và Jetstar Pacific (hãng hàng không giá rẻ do Vietnam Airlines giữ 70% vốn) khoảng 9.000 tỷ đồng, tương đương 49 tỷ mỗi ngày.



3.2 Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm chi phí về người lái và tiếp viên. Nó là các khoản chi phí liên quan đến tiền lương, thưởng; chi phí huấn luyện, đào tạo; bảo hiểm xã hội, y tế; chi phí lưu trú chuyên bay như tiền ở, đi lại cho người lái và tiếp viên...

Theo số liệu do Tổng công ty Hàng không Việt Nam công bố, hiện tổng số lao động phục vụ tại Vietnam Airlines tính đến cuối năm 2016 là 6.199 người với tổng quỹ lương chi trả là 2.076 tỷ đồng. Thu nhập trung bình tất cả đội ngũ nhân viên hãng



hàng không quốc gia Việt Nam là 28 triệu đồng/người/tháng.

So với “đối thủ” nặng ký nhất của Vietnam Airlines hiện nay là Vietjet Air, nhân viên hãng hàng không giá rẻ lại được trả lương không hề rẻ. Thu nhập bình quân của nhân viên Vietjet Air năm 2015 là 39,5 triệu đồng/người/tháng và năm 2016 tăng lên con số 46,2 triệu đồng – cao gần gấp đôi so với Vietnam Airlines.

3.3 Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay là các khoản chi phí để duy trì và phục hồi tình trạng kỹ thuật của tàu bay. Chi phí này phụ thuộc vào tuổi của tàu bay, quy mô đội tàu bay và giá nhân công cũng như vật tư phụ tùng tàu bay.

Tàu bay càng cũ thì chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay càng lớn. Còn hãng hàng không có nhiều tàu bay cùng chủng loại thì sẽ tăng khả năng thay thế, giảm bớt vật tư phụ tùng dự phòng cho một tàu bay và cũng sẽ giảm được chi phí sửa chữa, bảo dưỡng bình quân cho 1 tàu bay.

Ví dụ:

Sáng 26/4/2018, Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) và Công ty Singapore Technologies Aerospace Ltd (ST Aerospace), đơn vị thành viên của Tập đoàn ST Engineering Ltd. đã trao Biên bản thành lập Công ty liên doanh Bảo dưỡng sửa chữa máy bay và Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ tùng vật tư trọn gói cho toàn bộ đội máy bay Airbus A321 của Hãng. hợp tác sẽ giúp Vietnam Airlines rút ngắn thời gian bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị máy bay ngay tại Việt Nam, so với việc phải gửi sang nước ngoài như trước đây, qua đó giúp tiết kiệm chi phí và mang lại hiệu quả khai thác cao hơn.



3.4 Chi phí khấu hao hoặc thuê tàu bay

Chi phí khấu hao tàu bay là các khoản trích hoặc phân bổ các khoản đầu tư mua tàu bay của hãng.

Chi phí thuê tàu bay là các khoản chi phí mà hãng hàng không phải trả cho người cho thuê để được quyền sử dụng tàu bay.

Ví dụ:

Đối với Vietnam Airlines năm 2018, hãng sẽ nhận thêm 2 tàu A350 (bán và thuê lại) và 9 tàu A321-NEO (thuê), trả sớm 4 tàu thuê ATR72 và 3 tàu thuê A330 đến hạn. Tổng số tàu bay đến cuối năm 2018 của hãng sẽ lên đến 98 tàu bay, dẫn đầu thị trường về quy mô và chất lượng đội bay.

Đối với Vietjet Air vào năm 2014, Hãng hàng không giá rẻ này đã đặt hàng mua 63 chiếc từ Airbus, bao gồm 42 chiếc A320 NEO, 14 chiếc A320 CEO và 7 chiếc A321 CEO. Tổng giá trị hợp đồng là 6,4 tỷ USD. Tháng 9/2016, Vietjet Air tiếp tục đặt hàng mua từ Airbus thêm 20 chiếc Airbus A321 CEO và NEO các loại. Tổng trị giá hợp đồng 2,39 tỷ USD. Mua gần 200 máy bay các loại trong giai đoạn 2014-2016, nhưng tới nay, theo số liệu từ *Planespotter*, đội bay của Vietjet Air vẫn chỉ biên chế 40 chiếc, gần như toàn bộ là Airbus A320-200 và A321-200 đi thuê, tuổi đời trung bình khoảng hơn 3 năm tuổi. Chỉ 5 trong tổng số 40 chiếc máy bay này là thuộc sở hữu của Vietjet Air.

	Từ 1/1/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.673.517.508.063	14.480.554.794.158
Chi phí nhân công	8.283.381.263.333	5.427.398.085.202
Chi phí khấu hao	5.218.292.501.411	3.246.498.812.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.281.381.017.948	24.113.048.561.252
Trong đó:		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	2.970.642.565.645	1.996.471.794.362
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	2.315.158.152.206	1.851.769.771.314
- Chi phí thuê máy bay	11.234.235.427.944	7.498.910.108.123
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	17.761.344.872.153	12.765.896.887.453
Chi phí khác	1.507.558.561.681	968.338.942.919

3.5 Chi phí bảo hiểm hàng không

Chi phí bảo hiểm hàng không là khoản chi phí mà hãng hàng không mua của các tổ chức bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và người thứ ba, đồng thời nó cũng là một biện pháp nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh vận tải hàng không.

Nó bao gồm: bảo hiểm thân tàu bay (Hull Insurance); bảo hiểm rủi ro chiến tranh (War risk Insurance); bảo hiểm trách nhiệm (liability Insurance) cho tổ lái, hành khách, hành lý, hàng hóa và đối với người thứ ba...

Chi phí bảo hiểm hàng không phụ thuộc vào ghế/tải của tàu bay, quy mô, và độ đảm bảo an toàn của đội tàu bay, mức mua bảo hiểm và giá dịch vụ bảo hiểm.

Ví dụ:

Vietnam Airlines, VietJet Air, Jetstar Pacific, Vasco đã ký hợp đồng mua bảo hiểm hàng không với ba nhà bảo hiểm, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty CP bảo hiểm hàng không (VNI) và Tổng công ty cổ phần bảo hiểm dầu khí (PVI) cho chương trình bảo hiểm hàng không. Theo chương trình bảo hiểm hàng không, ba



công ty bảo hiểm trên sẽ cung cấp các loại hình bảo hiểm “mọi rủi ro” đối với thân máy bay, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tai nạn cá nhân cho cả đội bay, bảo hiểm rủi ro chiến tranh với thân máy bay, bảo hiểm trách nhiệm vượt quá đối với rủi ro chiến tranh, không tặc, khủng bố... cho đội bay hơn 80 máy bay của Vietnam Airlines trên phạm vi toàn thế giới với tổng giá trị chi trả bảo hiểm thỏa thuận cho toàn đội bay ước tính lên đến 4 tỉ đô la Mỹ.

3.6 Chi phí dịch vụ chuyến bay

Chi phí phục vụ chuyến bay là các khoản chi phí mà hãng hàng không phải trả cho các nhà cung cấp tại cảng hàng không, sân bay cũng như các nhà cung cấp dịch vụ hàng không khác để đảm bảo cho chuyến bay được liên tục, an toàn và hiệu quả.

Nó bao gồm như: chi phí cất hạ cánh cho tàu bay; chi phí điều hành tàu bay ở trên trời; chi phí dịch vụ thương mại kỹ thuật mặt đất; chi phí dịch vụ soi chiếu an ninh, chi phí vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa trong sân bay....

Ví dụ:

Bộ GTVT vừa ký Quyết định số 2345 ngày 8/8/2017 ban hành mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.



Theo đó, trong khung giờ bình thường, mức giá cất, hạ cánh áp dụng từ ngày 1/10/2017 với tàu bay ATR 70 là 698.000 đồng/lần, tàu A320, A321 là hơn 1,5 triệu đồng/lần, tàu A350, B787, B777, A330 khoảng hơn 5,8 triệu đồng/lần. Cũng

theo Cục Hàng không VN, việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ cất, hạ cánh là nhằm đảm bảo đủ bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, đồng thời có nguồn tích lũy để nâng cấp, đầu tư mới đường băng, đường lăn theo định hướng của Nhà nước trong bối cảnh ngân sách hạn chế.

3.7 Chi phí phục vụ hành khách, hàng hóa

Chi phí phục vụ hành khách là các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ cung cấp cho hành khách trên chuyến bay như xuất ăn, đồ uống, tạp chí... Các chi phí này thường phát sinh theo số lượng hành khách vận chuyển hoặc số ghế cung ứng và các dịch vụ.

Đối với các chuyến bay chở hàng, ngoài chi phí lưu kho, đóng gói, vận chuyển, bốc xếp, các hãng hàng không còn phải chi cho dịch vụ phục vụ chẳng giữ, bảo quản... trên tàu bay.

Các hãng hàng không kinh doanh theo mô hình đầy đủ (full service) sẽ phải chi cho các khoản mục này nhiều hơn. Trong khi đó các hãng hàng không kinh doanh theo mô hình chi phí thấp (low cost) sẽ cắt giảm dịch vụ này ở mức tối thiểu để giảm chi phí.

Ví dụ:

Sản lượng vận chuyển 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 35,4 triệu khách, 16,8% so với cùng kỳ năm 2017. Sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không, sân bay của Việt Nam đạt 52,8 triệu lượt hành khách, tăng 14%. Vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam đạt 25 triệu hành khách, tăng 15%.

Tính riêng năm 2017, vận chuyển hàng hóa đạt 318.000 tấn, tăng 11,3% so với năm 2016. Trong đó, vận chuyển hàng hóa nội địa đạt gần 230.500 tấn, tăng 14,6% so với năm 2016.

Tăng phí dịch vụ:

- Thông báo vừa được gửi đến các đại lý vé máy bay, hai hãng hàng không Vietnam Airlines (VNA) và Vietjet cho biết sẽ có nhiều thay đổi trong cơ cấu vé máy bay.
- Trong số đó, VNA cho biết sẽ tăng giá vé trẻ em từ 75% lên 90% so với giá vé người lớn, mức tăng 30.000-400.000 đồng/chiều tùy lứa tuổi.
- Trong khi đó, Hãng Vietjet cho biết sẽ tăng phí đổi tên từ 352.000 đồng lên 495.000 đồng/người/chiều đối với đường bay nội địa và từ 630.000 đồng lên 800.000 đồng/người/chiều đối với đường bay quốc tế.
- Phí đổi ngày bay quốc nội cũng tăng từ 352.000 đồng lên 374.000 đồng/người/chiều, phí đổi ngày bay quốc tế từ 670.000 đồng lên 800.000 đồng/người/chiều và cộng thêm chênh lệch giá vé.

3.8 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản như nghiên cứu thị trường, quảng cáo, xúc tiến thương mại, chi phí hoa hồng, phần mềm, đặt chỗ và các chi phí nhân công bán hàng, thuê hoặc khấu hao văn phòng và thiết bị bán...

3 tháng đầu năm, hãng đã cắt giảm tới 11% mức chi trả lương của nhân viên bán hàng. Hãng chỉ chi ra hơn 47 tỷ đồng để trả lương cho nhân viên bán hàng trong khi cùng kỳ năm 2016 mức chi trả này là 53 tỷ đồng.

Tổng cộng, trong 3 tháng đầu năm 2017, Vietnam Airlines đã chi 142 tỷ đồng trả lương cho nhân viên bán hàng và quản lý doanh nghiệp, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái.

Ví dụ:

Hãng Vietnam Airlines chi ra hơn 47 tỷ đồng để trả lương cho nhân viên bán hàng trong năm 2016 mức chi trả này là 53 tỷ đồng. 3 tháng đầu năm 2017, hãng đã cắt giảm tới 11% mức chi trả lương của nhân viên bán hàng. Tổng cộng, trong 3 tháng đầu năm 2017, Vietnam Airlines đã chi 142 tỷ đồng trả lương cho nhân viên bán hàng và quản lý doanh nghiệp, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái.



Vietjet Air không miễn phí đồ ăn trên chuyến bay cho khách hàng và bán khá nhiều đồ lưu niệm trên các chuyến bay nội địa và quốc tế của mình điều này đã giúp hãng này giảm giá vé đi đáng kể.

Hot combo
1 hotmeal + 1 softdrink 7 up
套餐套餐+7UP
= 65,000 VND
\$ 3.50 USD

Instant Food Món ăn liền

- Mỳ Lẩu Thái**
Thai instant noodles
泰式酸辣粉
30,000 VND
\$ 1.50 USD
- Phở**
Vietnamese beef instant noodles
越南牛肉粉
30,000 VND
\$ 1.50 USD
- Hủ Tiếu**
Nam Vang Instant Noodles
Southern Vietnam favourite
30,000 VND
\$ 1.50 USD
- Cháo**
Instant congee
粥
30,000 VND
\$ 1.50 USD

Souvenir Đồ lưu niệm

- Móc khóa "Remove before flight"**
Keyring
30,000 VND
\$ 1.50 USD
- Đèn để trang trí**
Umbrella red/white
100,000 VND
\$ 5.00 USD
- Túi đựng đồ**
Bag
90,000 VND
\$ 4.50 USD
- Khăn choàng**
Scarf
150,000 VND
\$ 7.50 USD

Móc treo túi xách
Bag hanger
80,000 VND
\$ 4.00 USD- Phích cắm điện**
Universal Adapter
150,000 VND
\$ 7.50 USD
- Gối ôm & Mắt mắt**
Neck Pillow & Eye Shade
100,000 VND
\$ 5.00 USD
- Móc chìa khóa**
Key ring
30,000 VND
\$ 1.50 USD
- Bảng tên vali**
Bag tag
60,000 VND
\$ 3.00 USD

	Từ 1/1/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân công	704.660.358.177	471.736.955.677
Chi phí hoa hồng	635.756.618.366	470.233.326.603
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.460.945.604.393	951.947.273.072
Chi phí bán hàng khác	1.654.891.412.543	1.159.657.913.794
	4.456.253.993.479	3.053.575.469.146

Chi phí bán hàng của VNA năm 2016

3.9 Chi phí quản lý

Chi phí quản lý là những khoản chi phí liên quan đến bộ máy quản lý và điều hành của hãng hàng không như: chi phí nhân công quản lý, chi phí khấu hao hoặc thuê văn phòng, trang thiết bị quản lý, chi phí công cụ đồ dung, điện, nước, thông tin liên lạc.... (Chi phí cố định của hãng)

Ví dụ:

VIETNAM AIRLINES.

- Trong dự hướng cổ phần hóa các tập đoàn nhà nước, tháng 11 năm 2011, Thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đồng ý đẩy mạnh việc cổ phần hóa Vietnam Airlines giai đoạn 2011-2015, trong đó nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ, và cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Xăng dầu Hàng không (VINAPCO-đã đổi tên thành SKYPEC), trong đó Vietnam Airlines giữ trên 50% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Chính phủ cho phép Vietnam Airlines được nắm giữ 100% vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Kỹ thuật máy bay (VAECO), và tự quyết định tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại 3 xí nghiệp, gồm Thương mại mặt đất Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất và tái cơ cấu Công ty Bay dịch vụ hàng không (VASCO-đang được tái cơ cấu thành SkyViet).

- Quỹ tiền lương mà Vietnam Airlines trả cho của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách của là hơn 7,136 tỷ đồng. Tổng quỹ tiền lương, thù lao HĐQT thực hiện năm 2016 là hơn 7,476 tỷ đồng (đã bao gồm tiền lương, thù lao tăng thêm do năm 2016 lợi nhuận thực hiện vượt 9% so với kế hoạch).

VIETJET AIR.

- Hội đồng Quản trị Vietjet Air nhiệm kỳ 2017-2022 hiện có 6 thành viên, trong đó, bà Nguyễn Thanh Hà là một trong những thành viên sáng lập và được bầu làm Chủ tịch HĐQT vào năm 2007, bà là một chuyên gia, một nhà quản lý dày dặn kinh nghiệm trong ngành hàng không tại Vietnam.
- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo là một trong những sáng lập viên của công ty từ những năm 2002. Bà được bầu là phó chủ tịch của Công ty từ 2007. Bà Thảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty. Bà có nhiều thành công trong kinh doanh và là nhà quản lý nhiều kinh nghiệm tại Vietnam và tại nước

I Hội đồng Quản trị			Thù lao/Lương (VND/năm)
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT – Thành viên độc lập	1,271,230,769
2	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	902,000,000
3	Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập	602,000,000
II Ban Điều hành			
1	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc	2,660,900,000
2	Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành	433,134,000
3	Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc	1,420,246,809
4	Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc	1,685,750,000
5	Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	1,689,600,000
6	Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1,689,800,000
III Ban Kiểm soát			
1	Trần Dương Ngọc Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	754,718,000

ngoài, đặc biệt trong ngành tài chính ngân hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp VNA năm 2016

	Từ 1/1/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 1/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân công	974.074.910.140	548.589.846.666
Chi phí thuê	412.550.988.695	386.085.012.303
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	858.152.797.277	558.207.035.278
	2.244.778.696.112	1.492.881.894.247

4. Phân loại theo chi phí khác

4.1 Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

Theo Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA):

- Chi phí trực tiếp của vận tải hàng không là chi phí liên quan trực tiếp đến khai thác tàu bay như chi phí nhiên liệu, chi phí cho tổ bay, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, chi phí khấu hao tàu bay và chi phí trực tiếp khác như chi phí cất hạ cánh, điều hành bay....
- Chi phí gián tiếp vận tải hàng không là chi phí không liên quan trực tiếp đến tàu bay như chi phí phục vụ mặt đất, chi phí phục vụ hành khách, chi phí bán hàng, chi phí quản lý....

Theo một số hãng hàng không, thì chia thành 4 loại:

- Chi phí khai thác trực tiếp bằng tiền.
- Chi phí khai thác trực tiếp.
- Chi phí khai thác gián tiếp.
- Tổng chi phí khai thác.

4.2 Chi phí cố định và chi phí biến đổi

Chi phí biến đổi là chi phí thay đổi tỉ lệ với mức sản lượng, tức là khi sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ mới phát sinh khoản chi phí này.

Chi phí cố định là chi phí không thay đổi khi mức sản lượng thay đổi và nó được cố định trong một khoản thời gian nhất định thường là một năm.

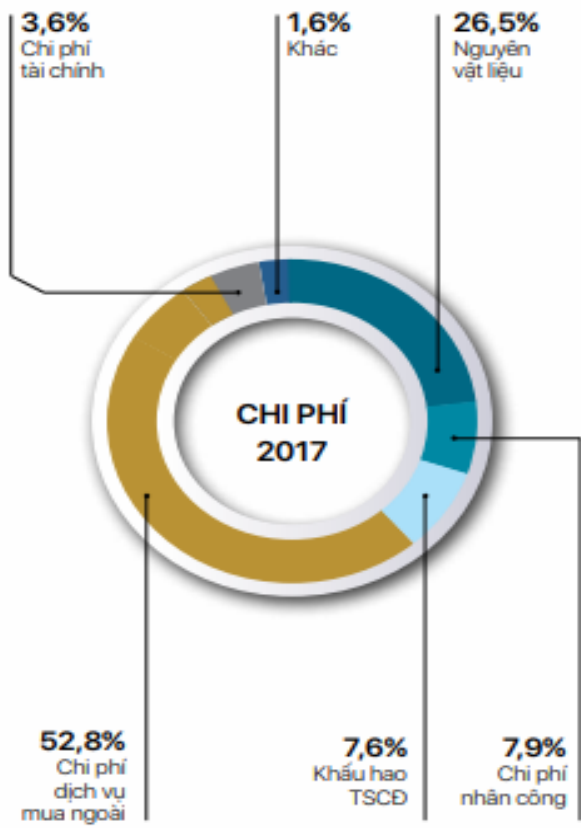
*****Cơ cấu chi phí VietNam Airlines năm 2017*

Cơ cấu chi phí Vietnam Airlines	2016	2017	Giá trị	%
1. Chi phí nguyên vật liệu	13.243	16.699	3.456	26,1%
2. Chi phí nhân công	5.016	4.963	-53	-1,1%
3. Khấu hao Tài sản cố định	4.835	4.792	-43	-0,9%
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.306	33.274	3.968	13,5%
5. Các khoản chi SXKD khác	646	1.007	361	55,9%
6. Chi phí tài chính	3.629	2.267	-1.362	-37,5%

CƠ CẤU CHI PHÍ CỦA CÔNG TY MẸ

Năm 2017, ngân sách và chi phí được kiểm soát chặt chẽ theo mục tiêu, tổng chi phí Công ty mẹ đạt 63.008 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2016, chủ yếu do giá nhiên liệu tăng và chi phí tiền thuê máy bay tăng khi VNA thực hiện cấu trúc SLB cho 01 tàu bay B787 và 4 tàu bay A350 mới nhận trong năm.

Trong cơ cấu chi phí của Công ty mẹ, chi phí nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng rất lớn, tương ứng là 26,5% và 52,8%.



CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Các chi phí này giúp hãng hàng không duy trì các hoạt động của hãng diễn ra thường xuyên. Giúp các hãng hàng không ngày càng phát triển.

Giúp các hãng hàng không kiểm soát được hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Nhược điểm

Việc chi trả các chi phí trong vận tải ngày càng gia tăng. Nếu không xác định chính xác có thể dẫn đến thua lỗ và phá sản.

Chi phí cố định của các hãng hàng không bao gồm tiền thuê, mua máy bay, tiền trả lãi vay, chi phí nhân công hàng nghìn người... đây là những chi phí rất lớn mà các hãng luôn phải trả đủ bất kể tình hình làm ăn có thuận lợi hay không.